

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **43a/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 11-6-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2020/HNGĐ - ST ngày 15/12/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: 1309, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1968. Địa chỉ: 1309, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2020 và các lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:***

Bà và ông Võ Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyền số

01/2006 ngày 14/3/2006. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường say xỉn, vô cớ xúc phạm, đánh đập bà T. Dù đã nhiều lần bà cho ông S cơ hội sửa đổi nhưng không thể hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Văn S vì mâu thuẫn đã trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt.

- Về con chung: Bà T khai có 02 con chung tên Võ Tuấn B, sinh ngày 07/6/1988 và Võ Thị Bích N, sinh ngày 19/4/1990. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo đơn Biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2021 bị đơn ông Võ Văn S trình bày:*

Ông và bà Dương Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyền số 01/2006 ngày 14/3/2006.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông không đồng ý việc bà T đi chơi với những người bạn gái không tử tế nhưng bà T không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ khoảng tháng 9/2020, ông bà sống ly thân nhau, khoảng tháng 01/2021 bà T tự ý bỏ nhà đi ở nơi khác.

Nay ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông S khai có 02 con chung tên Võ Tuấn B, sinh ngày 07/6/1988 và Võ Thị Bích N, sinh ngày 19/4/1990. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông S khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông không thể đến Tòa án làm việc, ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chấp nhận các phán quyết của Tòa án, ông cam đoan không thắc mắc, khiếu nại gì.

** Theo Biên bản xác minh ngày 01/02/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cung cấp:*

Ông Võ Văn S và bà Dương Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyền số 01/2006 ngày 14/3/2006. Ông S và bà T có 02 con chung tên Võ Tuấn B, sinh ngày 07/6/1988 và Võ Thị Bích N, sinh ngày 19/4/1990.

Quá trình chung sống, ông S và bà T có mâu thuẫn gì hay không thì địa

phương không nắm rõ.

Về tài sản chung, nợ chung của ông S và bà T: địa phương không nắm rõ, không có bất cứ ai đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai yêu cầu ông bà thực hiện nghĩa vụ về tài sản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét xử cho bà Dương Thị T được ly hôn ông Võ Văn S. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự khai tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”.

[1.2]. Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Dương Thị T; Bị đơn là ông Võ Văn S.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T yêu cầu xét xử cho bà được ly hôn ông Võ Văn S. Theo lời khai của các đương sự và thông tin do

UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cung cấp (tại biên bản xác minh ngày 01/02/2021) cũng như các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Bà Dương Thị T và ông Võ Văn S chung sống từ năm 1987, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyền số 01/2006 ngày 14/3/2006). Căn cứ các Điều 09, 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Võ Văn S là hợp pháp.

Xét thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, từ khoảng tháng 9 năm 2020 đến nay ông bà sống ly thân nhau. Hiện nay bà T chuyển đi ở nơi khác, giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T và phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn ông Võ Văn S.

[3.2]. Về con chung: Bà Dương Thị T và ông Võ Văn S có 02 con chung tên Võ Tuấn B, sinh ngày 07/6/1988 và Võ Thị Bích N, sinh ngày 19/4/1990. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001169 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 217, 220, 228, 244, 266, 267 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; Điều 51, 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn bà Dương Thị T.

Xử: Bà Dương Thị T được ly hôn ông Võ Văn S.

2. Về con chung: Bà Dương Thị T và ông Võ Văn S có 02 con chung tên Võ Tuấn B, sinh ngày 07/6/1988 và Võ Thị Bích N, sinh ngày 19/4/1990. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001169 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Bà Dương Thị T, ông Võ Văn S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Vũ Ngọc Hiệp